TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18 -9-2018.
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Chi và ông Lê Chí Trung.

- *Thư ký Toà án:* Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 01/QĐ- TA ngày 09 tháng 7 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên toà có mặt anh T, vắng mặt chị D)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Đình T có quan điểm:

Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam vào ngày 02/11/1990. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác do anh thường xuyên đi làm xa nhà nên ở nhà vợ có quan hệ với người đàn ông khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

* Tại biên bản tự khai và lời khai tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị D có quan điểm:

Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như anh T khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời không chịu làm ăn, không chăm lo đến gia đình vợ con thường xuyên mang đồ đạc trong nhà đi cầm cố. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã ly thân không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Tuy nhiên chị muốn con, cháu có một gia đình trọn vẹn nên chị không đồng ý ly hôn với anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Q , sinh ngày 05/7/1991; Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/8/1994; Nguyễn Đình TH, sinh ngày 02/7/1995; Nguyễn Đình L, sinh ngày 01/10/1997. Hiện nay cả 04 con chung đều đã trưởng thành lao động tự lập được nên khi ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị D không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Toà án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Vắng mặt cả hai lần tại phiên tòa ngày 30/8/2018 và 18/9/2018).

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 56, 57, Luật ôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Đình T. Xử ly hôn giữa anh T và chị D.

2/ Về án phí sơ thẩm: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Đình T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 16/10/2017 chị D đưa ra yêu cầu về việc con chung là Nguyễn Đình L có biểu hiện của bệnh tâm thần; HĐXX đã tạm đình chỉ giải quyết vụ án để đợi kết quả giám định sức khỏe tâm thần của Viện pháp y tâm thần Trung ương về việc Nguyễn Đình L có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân hay không. Đến nay sau gần 01 năm chị D có văn bản trả lời không thể đưa L đi giám định tâm thần và xin rút yêu cầu đòi anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với L, lý do tạm đình chỉ không còn Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án từ ngày 09/7/2018 là đúng pháp luật.

Việc xét xử vắng mặt chị D tại phiên tòa mở lần thứ hai là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị D là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam vào

ngày 02/11/1990, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đình T, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng anh T chị D đã có một thời gian dài chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có 04 con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Tuy nguyên nhân mâu thuẫn các bên đưa ra là khác nhau nhưng đều thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nên từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm là sự thật. Anh T xin ly hôn nhưng chị D không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên chị D không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi bản thân anh T cũng xác định vợ chồng không thể đoàn tụ trở lại. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không tồn tại đã lâu nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đình T là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 54, 56, 57 luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 04 con chung là Nguyễn Thị Q , sinh ngày 05/7/1991; Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/8/1994; Nguyễn Đình TH, sinh ngày 02/7/1995; Nguyễn Đình L sinh ngày 01/10/1997. Hiện nay cả 04 con chung đều đã trưởng thành tự lập được nên khi ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Con nuôi, con riêng vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét. Hiện chị D không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị D.

2/ Về con chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị D không có thai nghén gì.

3/ Về tài sản chung, công nợ chung và nghĩa vụ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải nộp 300.000đ. Anh T được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000638 ngày 20/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh